

Bản án số: 55/2023/DS-ST

Ngày: 29/8/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Phương Mai

Bà Nguyễn Thị Thiên Thuận

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Ông Lê Việt Đức -
Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/DSST, ngày 01 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXX, ngày 25 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2023/QĐHPT, ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH HD S. (HD S.)

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G., số 24C Phố Ph., phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Nh. - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Đình Đ. - Phó Tổng Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 15022-2/UQ-TGD ngày 22/4/2015).

Ông Nguyễn Đình Đ. ủy quyền cho ông Đào Văn L. - Chuyên viên pháp lý Tổ tụng (Theo giấy ủy quyền số 23505-2-CCO Ngày 05/05/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th., sinh năm 1975; (vắng mặt)

Chứng minh nhân dân số: 01192xxxx, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/01/2014; Căn cước công dân số 00117599xxxx.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Số 165 B., phường C., quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2020, Bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH HD S. (sau đây gọi tắt là HD S.) do ông Đào Văn L. là đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 18/08/2014, bà Nguyễn Thị Thu Th. (gọi tắt là “bà Th.”) đã ký Thỏa Thuận Tín Dụng Tài Trợ Xe Gắn Máy số 2W001388792 (“Hợp đồng”) với HD S.. Theo Hợp đồng, bà Th. đã vay 24.720.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) để mua xe máy nhãn hiệu PIAGGIO ZIP 100, số khung 105637, số máy 4005084. Theo đó, vào ngày 10 hàng tháng, Bà Th. phải thanh toán cho HD S. 1.525.942 đồng (bằng chữ: Một triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng) liên tục trong 24 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 10/09/2014 đến ngày 10/08/2016. Lãi suất cố định không thay đổi 41%/năm ~ 3,42%/ tháng.

Quá trình trả nợ của bà Th., HD S. đã nhận được 19.325.000 đồng (bằng chữ: Mười chín triệu, ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) và bà Th. chậm thanh toán cho HD S. 12 kỳ trả góp (Quá hạn 2890 ngày tính đến ngày 09/08/2023) tương ứng với 19.325.184 đồng (bằng chữ: Mười chín triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng).

Bà Th. vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 11/09/2015 và khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/09/2015, kể từ thời điểm xảy ra sự kiện vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên, HD S. đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà Th. tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán cho HD S. theo Hợp đồng. Tuy nhiên, HD S. không nhận được bất kỳ sự hợp tác nào từ phía bà Th.. HD S. dừng tính lãi đối với bà Th. từ ngày 10/04/2016 (Do chính sách của HD S. là tạo điều kiện cho khách hàng).

Tính đến ngày 10/4/2016, tổng số tiền bà Th. còn phải thanh toán cho HD S. là 19.325.184 đồng (bằng chữ: Mười chín triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 14.480.070 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.660.225 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.184.889 đồng.

Cách tính lãi:

Lãi trong hạn = Dư nợ gốc đầu kỳ x lãi suất ngày (41%/365) x số ngày tính lãi.

Lãi quá hạn = 150% x Lãi suất tháng (3,42%) x (khoản thanh toán hàng tháng).

Nay, HD S. khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu Th., yêu cầu bà Th. phải thanh toán trả cho HD S. các khoản nợ sau:

1. Hoàn trả cho HD S. toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 14.480.070 đồng (bằng chữ: Mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, không trăm bảy mươi đồng);

2. Thanh toán tiền lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng là 2.660.225 đồng (bằng chữ: Hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng);

3. Thanh toán tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 2.184.889 đồng (bằng chữ: Hai triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày 11/4/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì HD S. cũng không tính lãi đối với bà Nguyễn Thị Thu Th. đối với khoản nợ gốc chưa trả.

Ngoài ra, HD S. không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bà Nguyễn Thị Thu Th.:** Bà Th. không có mặt theo giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án, không có lời khai, Tòa án đã niêm yết thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ là các khoản tiền mà bà Th. đã trả cho HD Sài Sơn nhưng bà Th. không đến Tòa án giao nộp.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Th. phải trả cho HD S. tổng số tiền tính đến ngày 10/04/2016 là: 19.325.184 đồng (Mười chín triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 14.480.070 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.660.225 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.184.889 đồng.

Kể từ ngày 11/4/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, HD S. không yêu cầu tính lãi đối với bà Nguyễn Thị Thu Th..

Ngoài ra, HD S. không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án trình bày quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Th. phải trả cho HD S. tổng số tiền tính đến ngày 10/04/2016 là: 19.325.184 đồng (Mười chín triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) trong đó: Nợ gốc: 14.480.070 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.660.225 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.184.889 đồng.

Kể từ ngày 11/4/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, HD S. không yêu cầu tính lãi đối với bà Nguyễn Thị Thu Th..

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th. phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật. HD S. được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không phải chịu áp phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Th. nhưng bà Th. vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tố tụng cũng như khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa thì bà Th. vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà Th..

Về thời hiệu: Nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định của pháp luật nhưng không có lời khai và ý kiến về việc đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

1.2 Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3, điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

1.3 Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Công ty Tài chính TNHH HD S. khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu Th. về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu Th. có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Số 165 B., phường C., quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào quy định tại khoản 3, điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Xác minh tại Công an phường C., Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ngày 24/4/2023 được biết: Bà Nguyễn Thị Thu Th. có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Số 165 B., phường C., quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội nhưng không còn cư trú tại địa chỉ này. Hiện bà Th. đang cư trú ở đâu thì chính quyền địa phương không biết vì bà không thông báo.

Vì vậy, địa chỉ Số 165 B., phường C., quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội là nơi cư trú cuối cùng của bà Th.. Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà Th. để giải quyết theo quy định của pháp luật là có căn cứ và đúng pháp luật.

1.4 Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 18/08/2014, bà Nguyễn Thị Thu Th. (gọi tắt là “bà Th.”) đã ký Thỏa Thuận Tín Dụng Tài Trợ Xe Gắn Máy số 2W001388792 (“Hợp đồng”) với HD S..

Ngày 09/10/2020, Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội nhận được Đơn khởi kiện của HD S. đối với bà Th., sau khi thụ lý thì Tòa án nhân dân Quận Đống Đa đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm vì bà Th. đã chuyển hộ khẩu đến quận Hoàn Kiếm. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 18/08/2014, bà Nguyễn Thị Thu Th. (gọi tắt là “bà Th.”) đã ký Thỏa Thuận Tín Dụng Tài Trợ Xe Gắn Máy số 2W001388792 (“Hợp đồng”) với HD S.. Theo Hợp đồng, bà Th. đã vay 24.720.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) để mua xe máy nhãn hiệu PIAGGIO ZIP 100, số khung 105637, số máy 4005084. Theo đó, vào ngày 10 hàng tháng, Bà Th. phải thanh toán cho HD S. 1.525.942 đồng (bằng chữ: Một triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng) liên tục trong 24 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 10/09/2014 đến ngày 10/08/2016. Lãi suất cố định không thay đổi 41%/năm ~ 3,42%/tháng.

Quá trình trả nợ của bà Th., HD S. đã nhận được 10.239.930 đồng nợ gốc. Như vậy, bà Th. có trách nhiệm trả cho HD S. toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 14.480.070 đồng (bằng chữ: Mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, không trăm bảy mươi đồng).

Về khoản nợ lãi trong hạn và quá hạn: Bà Th. vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 11/09/2015 và khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/09/2015. Hợp đồng tín dụng có qui định về cách tính lãi trong hạn và quá hạn. Lãi trong hạn = Dư nợ gốc đầu kỳ x lãi suất ngày (41%/365) x số ngày tính lãi.

Lãi quá hạn = 150% x Lãi suất tháng (3,42%) x (khoản thanh toán hàng tháng).

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HD S., buộc bà Th. có trách nhiệm trả cho HD S. số tiền nợ lãi trong hạn: 2.660.225 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.184.889 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH HD S. là chỉ tính lãi chót đến ngày 10 tháng 4 năm 2016, kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì không yêu cầu tính lãi.

[3]. Về án phí :

- Bà Nguyễn Thị Thu Th. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Công ty Tài chính TNHH HD S. được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại khoản án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 21, Điều 26, Điều 30, Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ: khoản 2, Điều 91; khoản 2, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH HD S. đối với bà Nguyễn Thị Thu Th..

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th. phải thanh toán trả cho Công ty Tài chính TNHH HD S. số tiền Nợ gốc: 14.480.070 đồng (mười bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn không trăm bảy mươi đồng); Nợ lãi trong hạn: 2.660.225 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai lăm đồng); Nợ lãi quá hạn: 2.184.889 đồng (hai triệu một trăm tám mươi tư nghìn tám trăm tám mươi chín đồng);

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH HD S. là chỉ tính lãi chót đến ngày 10 tháng 4 năm 2016, kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu Th. phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 966.259 đồng (Chín trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm chín đồng).

Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH HD S. số tiền 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà Công ty Tài chính TNHH HD S. đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 71657 ngày 28/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Công ty Tài chính TNHH HD S. do ông Đào Văn L. là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu Th.. Công ty Tài chính TNHH HD S. có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Bà Nguyễn Thị Thu Th. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hùng